

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST.

Ngày 23-10-2019.

V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ái Hòa;
2. Ông Nguyễn Quang Phước.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn R, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp BB, xã HKT, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn Y, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 50 Ấp 2, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08-10-2018); có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Tấn P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp BH, xã BT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp BB, xã HKT, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2- Chị Nguyễn Thị Lua H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp BH, xã BT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên ông Võ Văn R là ông Phạm Văn Y trình bày:

Do tin lời của anh Phạm Tấn P hứa là anh P sẽ giúp cho con ông Võ Văn R là anh Võ Hoài A, sinh năm 1990 (Anh Ân đang đi nghĩa vụ Công an) sẽ thi đỗ vào Trường Đại học Cảnh sát nhân dân tại Hà Nội hoặc sẽ được đi học tại nước Nga vào năm học 2017-2018. Vào khoảng tháng 4-2017, ông R đã giao cho anh P số tiền 350.000.000 đồng tại nhà ông R. Việc giao nhận tiền không lập thành văn bản, không người làm chứng. Đến tháng 11-2017, ông R theo dõi danh sách các thí sinh trúng tuyển Đại học năm học 2017-2018 thì phát hiện con ông là anh Ân không có tên trong danh sách trúng tuyển Đại học Cảnh sát nhân dân tại Hà Nội, không có danh sách tên con ông được đi học tại nước Nga. Vì vậy, ông R gặp anh P hỏi lý do tại sao thì anh P trả lời để từ từ. Ngày 24-11-2017, ông R đến nhà anh P và yêu cầu anh P viết cho ông R giấy nhận tiền có nội dung anh P có nhận của ông R số tiền 350.000.000 đồng. Lúc anh P viết giấy và ký tên có anh Nguyễn Quốc C chứng kiến và ký tên vào giấy nhận tiền (Bút lục số 46).

Sau đó, ông R có yêu cầu anh P trả số tiền trên nhưng anh P không trả. Ngày 09-3-2018, anh P có trả cho ông R số tiền 100.000.000 đồng. Khi trả tiền, anh P có viết giấy tay và ký tên vào giấy, hẹn tháng sau sẽ trả đủ 250.000.000 đồng còn lại, có anh Võ L ký tên làm chứng. Đã quá hạn nhưng anh P vẫn không trả tiền nên ông R đến nhà anh P đòi nhiều lần nhưng anh P không trả tiền. Nay ông R yêu cầu anh P trả lại số tiền 250.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi, ông R không yêu cầu vợ anh P là chị Nguyễn Thị Lua H cùng trả nợ. Bởi vì, ông R không giao tiền cho chị H.

Theo lời khai của bị đơn anh Phạm Tấn P thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án: Nhận thấy, anh P thừa nhận lời trình bày của ông R là đúng. Anh đã sử dụng số tiền 350.000.000 đồng mà anh đã nhận của ông R để chi phí cho một số người có uy tín và có khả năng giúp anh thực hiện lời hứa với ông R. Anh không có chứng cứ chứng minh đã giao tiền cho những người có uy tín trên. Kết quả, anh không thực hiện được lời hứa với ông R. Ngày 09-3-2018, anh có trả cho ông R được số tiền 100.000.000 đồng. Hiện tại, anh còn nợ lại ông R số tiền 250.000.000 đồng. Vợ anh là chị Nguyễn Thị Lua H không biết, không sử dụng tiền vì thời gian anh nhận tiền của ông R thì vợ chồng anh đã sống ly thân. Nay anh đồng ý trả cho ông R số tiền 250.000.000 đồng.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án: Bà là vợ của ông R nay khoảng 30 năm. Số tiền ông R giao cho anh P là tiền chung của vợ chồng bà. Bà có cùng ý kiến và yêu cầu như ông R.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Lua H thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án: Chị là vợ của anh P từ năm 2008. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị đưa 02 người con theo chị về nhà cha, mẹ chị sống. Vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 01-2017 đến nay. Chị không biết anh P nhận của ông R số tiền 350.000.000 đồng; chị không sử dụng tiền của ông R. Nay chị không đồng ý cùng anh P trả nợ cho ông R.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn anh P không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xem xét, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp đòi lại tài sản của ông Võ Văn R đối với anh Phạm Tấn P.

Buộc anh Phạm Tấn P trả cho vợ chồng ông Võ Văn R, bà Nguyễn Thị T số tiền 250.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, anh Phạm Tấn P yêu cầu ông Võ Văn R giao cho anh P số tiền 350.000.000 đồng để anh P giúp con ông R tên Võ Hoài Ân thi đỗ vào Trường Đại học Cảnh sát nhân dân tại Hà Nội hoặc anh Ân sẽ được đi học tại nước Nga trong năm học 2017-2018. Do không thực hiện được lời hứa nên ngày 09-3-2018 anh P có trả cho ông R số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 250.000.000 đồng. Xét thấy, hành vi của anh P có dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định của Bộ luật Hình sự. Ngày 21-8-2018, ông R đã có đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh P gửi đến Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ngày 24-8-2018, Công an huyện Đức Hòa ban hành Công văn số 289 trả lời đây là giao dịch dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ngày 24-8-2018, ông R có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng giải quyết buộc anh P trả số tiền còn lại là 250.000.000 đồng nên Tòa án thụ lý và xét xử bằng 01 vụ án dân sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Anh Phạm Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Bà Thủy, chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông R yêu cầu anh P trả số tiền 250.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất và anh P cũng đồng ý trả cho ông R số tiền 250.000.000 đồng. Vì vậy, số nợ 250.000.000 đồng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Xét lời trình bày của các đương sự có căn cứ xác định số nợ trên là nợ riêng của anh P không phải là nợ chung của vợ chồng anh P, chị H. Qua làm việc và tại phiên tòa, ông R cũng không yêu cầu chị H trả nợ cùng anh P. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc chị H trả nợ cho ông R. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có cơ sở buộc anh P trả số tiền 250.000.000 cho ông R là phù hợp.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn R yêu cầu anh Phạm Tấn P trả số tiền 250.000.000 đồng theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn R tranh chấp đòi lại tài sản đối với anh Phạm Tấn P.

2. Buộc anh Phạm Tấn P trả cho ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị T số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ghi nhận ông R không yêu cầu anh P trả tiền lãi suất.

Ghi nhận ông R không yêu cầu chị Nguyễn Thị Lua H trả nợ cho ông R.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông R số tiền 6.250.000 (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016853 ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Anh Phạm Tấn P phải chịu 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Báo cho ông R biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh P, bà Thủy, chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngọc Dũng

